


**PHỤ LỤC BỔ SUNG, SỬA ĐỔI
ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CT3**



Điều khoản	Nội dung tại Điều lệ hiện hành	Nội dung tại dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>Điểm g, h, l, o, p, r, v, Khoản 1 Điều 1</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>g. "<i>Người quản lý công ty</i>" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết các giao dịch của công ty.</p> <p>h. "<i>Người điều hành Công ty</i>" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người đại diện phần vốn của công ty tại doanh nghiệp khác, Giám đốc các chi nhánh, văn phòng đại diện được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</p> <p>l. "<i>Thời hạn hoạt động</i>" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại khoản 5 Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.</p> <p>o. "<i>Cổ đông lớn</i>" là cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành.</p> <p>p. "<i>Cổ phiếu</i>" là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác.</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>g. "<i>Người quản lý công ty</i>" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc của công ty.</p> <p>h. "<i>Người điều hành Công ty</i>" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc các chi nhánh, văn phòng đại diện được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</p> <p>l. "<i>Thời hạn hoạt động</i>" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại khoản 5 Điều 2 của Điều lệ.</p> <p>o. "<i>Cổ đông lớn</i>" là cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với quy định pháp luật hiện tại và tình hình thực tế của Công ty.</p>



	<p>r. “Cổ tức” là khoản <u>lợi nhuận ròng</u> được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt, hoặc bằng tài sản khác.</p> <p>s. “Công ty con của Công ty” là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>(i) Công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần <u>đã phát hành</u> của công ty con;</p> <p>v. “Người đại diện theo ủy quyền của Công ty” là cá nhân được Công ty ủy quyền bằng văn bản nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình <u>tại các công ty con</u> theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p>	<p>p. “Cổ phiếu” là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty.</p> <p>r. “Cổ tức” là khoản lợi nhuận <u>sau thuế</u> được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt, hoặc bằng tài sản khác.</p> <p>s. “Công ty con của Công ty” là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>(i) Công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần <u>phổ thông</u> của công ty con;</p> <p>v. “Người đại diện theo ủy quyền của Công ty” là cá nhân được Công ty ủy quyền bằng văn bản nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình <u>tại các doanh nghiệp khác có vốn góp của Công ty</u> theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p>	
<p>Khoản 1 Điều 4</p>	<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:</p> <p>Trình bày các ngành nghề kinh doanh theo hình thức gạch đầu dòng liệt kê các ngành nghề kinh doanh của Công ty</p>	<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:</p> <p>Trình bày ngành nghề kinh doanh theo dạng bảng, thể hiện cụ thể tên ngành nghề, mã ngành, phạm vi chi tiết. Đồng thời cập nhật, bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh mới.</p>	<p>Cập nhật, bổ sung ngành nghề kinh doanh theo nội dung tại Tờ trình bổ sung ngành, nghề kinh doanh của HĐQT gửi ĐHQCD</p>
<p>Khoản 6 Điều 7</p>	<p>Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>6. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại phụ lục sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.</p>	<p>Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>6. Công ty có thể phát hành cổ phần, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền và các loại chứng khoán khác phù hợp với các quy định của pháp luật</p>	<p>Công ty được thành lập bởi nhà nước, thời điểm thành lập nhà nước sở hữu 100% vốn, do đó sẽ không có danh sách cổ đông sáng lập.</p>

			Do đó bỏ nội dung này và thay thế bằng nội dung về phát hành cổ phần, trái phiếu theo quy định của pháp luật.
Khoản 1 Điều 8	<p>Điều 8. Chứng nhận <u>chỉ</u> phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp <u>chứng chỉ</u> hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Thời hạn cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận tối đa là 07 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán.</p>	<p>Điều 8. Chứng nhận <u>cổ</u> phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p>	Điều chỉnh theo tên gọi hiện tại được pháp luật quy định là “cổ phiếu”
Điểm d Khoản 3 Điều 13	<p>Điều 13. Quyền của cổ đông</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là <u>03 ngày</u> làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>Điều 13. Quyền của cổ đông</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là <u>07 ngày</u> làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	Tăng thời hạn gửi kiến nghị bổ sung nội dung chương trình họp ĐH ĐCD từ 03 ngày làm việc lên 07 ngày làm việc để đảm bảo HĐQT có đủ thời gian xem xét kiến nghị và thực hiện công tác chuẩn bị cho cuộc họp.
Điểm a, d Khoản 2 Điều 22	<p>Điều 22. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Nghị quyết đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p>	<p>Điều 22. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Nghị quyết đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, <u>trừ trường</u></p>	Trên thực tế các vấn đề này có thể phát sinh thường xuyên, nếu tổ chức cuộc họp ĐHĐCD để thông qua vấn đề

	<p>a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;</p> <p>b. Định hướng phát triển công ty.</p> <p>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.</p> <p><u>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</u></p> <p>d. Quyết định việc đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p> <p>e. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>f. Tổ chức lại, giải thể công ty.</p>	<p><u>hợp được quy định tại Khoản 1 Điều 24 Điều lệ này:</u></p> <p>a. Định hướng phát triển công ty.</p> <p>b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.</p> <p>c. Quyết định việc đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p> <p>d. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể công ty.</p>	<p>này thì sẽ tốn nhiều thời gian, chi phí. Do đó bỏ những nội dung này ra khỏi danh sách những vấn đề cần xin ý kiến cổ đông trực tiếp tại cuộc họp, thay vào đó có thể xin ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>
<p>Khoản 1, Khoản 2 Điều 23</p>	<p>Điều 23. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ <u>51% tổng số phiếu biểu quyết</u> trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, khoản 6 điều này và khoản 8 Điều 24 Điều lệ này:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại;</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p> <p>đ. Tổ chức lại hay giải thể công ty.</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên <u>50% tổng số phiếu biểu quyết</u> của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy</p>	<p>Điều 23. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ <u>65% tổng số phiếu biểu quyết</u> trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, khoản 6 điều này và khoản 8 Điều 24 Điều lệ này:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại;</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty theo quy định tại Điều 137 Luật doanh nghiệp;</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p> <p>đ. Tổ chức lại hay giải thể công ty.</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với quy định của pháp luật.</p>

	<p>định tại các khoản 1,3,6 Điều này và khoản 8 Điều 24 Điều lệ này.</p>	<p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên <u>50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp</u> tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1,3,6 Điều này và khoản 8 Điều 24 Điều lệ này.</p>	
<p>Khoản 1 Điều 24</p>	<p>Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ này (Khoản 2 Điều 147 Luật doanh nghiệp);</p>	<p>Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty. b. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. c. Định hướng phát triển Công ty. d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị. e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. 	<p>Vì việc tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp để thông qua các vấn đề cần xin ý kiến sẽ tốn nhiều thời gian và chi phí. Do đó để thuận tiện cho hoạt động của CT3, Điều lệ sẽ liệt kê cụ thể các trường hợp được xin ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>

		<p>f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán.</p> <p>g. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh</p> <p>h. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty theo mô hình (i) có Ban kiểm soát hoặc (ii) có Ủy ban kiểm toán hoặc (iii) mô hình khác theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có).</p> <p>i. Tăng, giảm vốn Điều lệ của Công ty.</p> <p>j. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, phương án chào bán, phát hành; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần và hình thức chi trả cổ tức.</p> <p>k. Quyết định chào bán các loại trái phiếu bao gồm trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.</p> <p>l. Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.</p> <p>m. Xem xét, xử lý vi phạm của Thành viên Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty.</p> <p>n. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.</p> <p>o. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị.</p>	
--	--	---	--

- p. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- q. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.
- r. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị.
- s. Quyết định số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị.
- t. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
- u. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- w. Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành khi giá trị thay đổi

		<p>từ 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trở lên. Đối với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>x. Quyết định số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể trong trường hợp cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh.</p> <p>y. Chuyển đổi cổ phần ưu đãi thành cổ phần phổ thông.</p> <p>z. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận trong năm tài chính và việc trích lập các quỹ năm tài chính tiếp theo.</p> <p>aa. Thay đổi tên, trụ sở chính của Công ty.</p> <p>bb. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh của Công ty.</p> <p>cc. Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi, bao gồm việc thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.</p> <p>dd. Lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm.</p>	
--	--	--	--

		<p>ee. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p>	
<p>Điểm a, k, l Khoản 2 Điều 29</p>	<p>Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty, và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>k. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>l. Phê chuẩn đề nghị của Tổng giám đốc về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký luật, đình chỉ, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với các chức danh do Tổng giám đốc quyết định và quản lý gồm: Trưởng phòng, Phó trưởng phòng; Giám đốc, Phó giám đốc xí nghiệp và tương đương. Trong trường hợp đặc biệt hoặc cần thiết, Hội đồng quản trị được quyền yêu cầu Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn</p>	<p>Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty, và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; <u>Phê duyệt điều chỉnh, thay đổi kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty trên cơ sở được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khi xét thấy sự điều chỉnh này là phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.</u></p> <p>k. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; <u>quyết định tuyển dụng</u>, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>l. Phê chuẩn đề nghị của Tổng giám đốc về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký luật, đình chỉ, tiền</p>	<p>Điểm a: Bổ sung để nêu trong năm có phát sinh nhu cầu điều chỉnh và đã được ĐHĐCD ủy quyền thì HĐQT có thể chủ động tự điều chỉnh nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của công ty.</p> <p>Điểm k, l: điều chỉnh cho phù hợp với thực tế của Công ty.</p>

52
 TỶ
 IN
 YD
 NH
 CV

	<p>nhiệm và cách chức các chức danh cán bộ quản lý do Tổng giám đốc trực tiếp quản lý trên cơ sở quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.</p>	<p>lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với các chức danh do Tổng giám đốc quyết định và quản lý gồm: Trưởng phòng, Phó trưởng phòng; Giám đốc, Phó <u>giám đốc chi nhánh</u> và tương đương. Trong trường hợp đặc biệt hoặc cần thiết, Hội đồng quản trị được quyền yêu cầu Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức các chức danh cán bộ quản lý do Tổng giám đốc trực tiếp quản lý trên cơ sở quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.</p>	
<p>Điểm d, j, k Khoản 3 Điều 31</p>	<p>Điều 31 Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>j. Chưa có</p> <p>k. Chưa có</p> <p>l. Chưa có</p>	<p>Điều 31 Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>d. Giám sát, <u>chỉ đạo</u> quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p><u>j. Phê duyệt ban hành các văn bản quy phạm nội bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>k. Thay mặt Hội đồng quản trị phân công nhiệm vụ, chỉ đạo, giám sát trực tiếp việc thực hiện công việc của Ban Tổng giám đốc và các Người quản lý khác trong Công ty;</u></p> <p><u>l. Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện quyền giám sát dựa trên báo cáo của Tổng Giám đốc và/hoặc Ban điều hành. Chủ tịch Hội đồng quản trị không chịu trách nhiệm liên đới đối với các quyết định điều hành vi phạm pháp luật của Tổng Giám đốc và/hoặc Ban điều hành nếu đã thực hiện đúng quyền hạn giám sát và không có chỉ đạo trực tiếp bằng văn bản về hành vi sai phạm đó.</u></p>	<p>Hiện tại Chủ tịch HĐQT là thành viên đứng đầu HĐQT và làm việc thường trực tại Công ty, do đó bổ sung các nội dung này để phù hợp với tình hình giải quyết công việc hiện tại, đảm bảo xử lý kịp thời các công việc phát sinh trong công tác quản trị, điều hành Công ty.</p>

Điều 35	<p>Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị (<u>đại diện là Chủ tịch Hội đồng quản trị</u>) trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Hiện tại Chủ tịch HĐQT là thành viên đứng đầu HĐQT và làm việc thường trực tại Công ty, do đó bổ sung các nội dung này để phù hợp với tình hình giải quyết công việc hiện tại, đảm bảo xử lý kịp thời các công việc phát sinh trong công tác quản trị, điều hành Công ty.</p>
Khoản 1 Điều 36	<p>Điều 36. Người điều hành công ty</p> <p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác (<u>người đại diện phần vốn của công ty tại doanh nghiệp khác</u>), Giám đốc các chi nhánh, văn phòng đại diện được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</p>	<p>Điều 36. Người điều hành công ty</p> <p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác, Giám đốc các chi nhánh, văn phòng đại diện được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</p>	<p>Bỏ người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác ra khỏi danh sách người điều hành Công ty. Theo quy định của pháp luật về người điều hành không có thành phần nhân sự này.</p>
Điểm i, j Khoản 4 Điều 37	<p>Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: i. <u>Quyết định giá mua, bán nguyên liệu, sản phẩm (trừ những sản phẩm dịch vụ do nhà nước quy định).</u> Quyết định những vấn đề về tài chính theo Quy chế tài chính do Hội đồng quản trị ban hành;</p>	<p>Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: i. Quyết định những vấn đề về tài chính theo Quy chế tài chính do Hội đồng quản trị ban hành; j. bỏ.</p>	<p>Điểm i: Thẩm quyền quyết định những vấn đề này phụ thuộc vào hạn mức và giá trị giao dịch, TGD không thể tự mình quyết định mà</p>

	<p>j. <u>Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty khi được Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản;</u></p>		<p>phải thực hiện theo các quy định nội bộ của Công ty, do đó bỏ những nội dung không phù hợp. J. Người đại diện công ty theo quy định của pháp luật trong các trường hợp này là Người đại diện theo pháp luật. Do đó bỏ nội dung không phù hợp.</p>
<p>Khoản 1 Điều 48</p>	<p>Điều 48. Các đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 1. Công ty có các đơn vị trực thuộc (<u>Xí nghiệp, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Đội thi công</u>), <u>Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Công ty con.</u></p>	<p>Điều 48. Các đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 1. Công ty có các đơn vị trực thuộc (Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh), Công ty con.</p>	<p>Điều chỉnh lại nội dung cho phù hợp với quy định của pháp luật</p>
<p>Khoản 3 Điều 51</p>	<p>Điều 51. Chi phối, liên kết, hỗ trợ các Công ty có liên quan 3. Công ty sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với các Công ty liên quan. Quy định này không loại trừ quyền của người đại diện theo ủy quyền của Công ty thực hiện các vai trò quản lý, điều hành tại các Công ty có liên quan.</p>	<p>Bỏ Khoản 3 Điều 51</p>	<p>Hiện nay Công ty đang chuyển đổi sang mô hình quản lý và điều hành tập trung, do đó bỏ quy định này.</p>
<p>Khoản 1,2 Điều 67</p>	<p>Điều 67. Điều khoản chung 1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 67 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3 nhất trí thông qua</p>	<p>Điều 67. Điều khoản chung 1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 67 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần</p>	<p>Điều chỉnh lại cho phù hợp với thực tế.</p>

<p>ngày 13 tháng 11 năm 2021 tại Văn phòng trụ sở Công ty số 136/1 Trần Phú, phường 4, Quận 5, Tp Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận toàn văn của Điều lệ này và đã được sửa đổi ngày 26 tháng 09 năm 2025.</p> <p>Điều lệ này thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3 ngày 17 tháng 7 năm 2024.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 10 (mười) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Đầu tư và Xây dựng công trình 3 nhất trí thông qua ngày tháng năm 2026.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 04 (bốn) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.</p>	
--	---	--



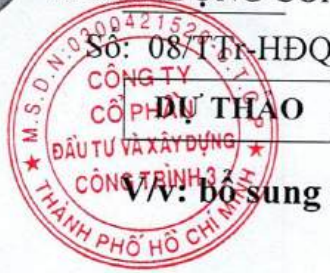


**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 6 năm 2026



Số: 08/TT-HĐQT-ĐH2026

TỜ TRÌNH

V/v: bổ sung và bỏ một số ngành, nghề kinh doanh của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ban hành ngày 29/09/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Quyết định ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3.

Để đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh của CT3 trong thời gian tới, đồng thời cập nhật điều chỉnh quy định của pháp luật về hệ thống ngành nghề kinh doanh tại Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ban hành ngày 29/09/2025 của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 (CT3) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua việc đăng ký bổ sung và bỏ ngành, nghề kinh doanh của CT3 như sau:

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120	
2	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592	
3	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599	
4	Sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311	
5	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312	
6	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314	
7	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác	3319	
8	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (Không hoạt động tại trụ sở)	2395	



9	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320	
10	Xây dựng nhà để ở	4101	
11	Xây dựng nhà không để ở	4102	
12	Xây dựng công trình đường sắt	4211	
13	Xây dựng công trình đường bộ	4212	
14	Xây dựng công trình công ích khác	4229	
15	Phá dỡ	4311	
16	Lắp đặt hệ thống điện	4321	
17	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322	
18	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329	
19	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330	
20	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659	
21	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673	
22	Vận tải hành khách đường sắt	4911	
23	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912	
24	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210	
25	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221	
26	Bốc xếp hàng hóa	5224	
27	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410	
28	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212	
29	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng	6829	
30	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822	
31	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824	
32	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829	
33	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4672	
34	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4679	
35	Bán buôn tổng hợp	4690	
36	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4752	
37	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn	4753	
38	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu	4759	
39	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản	6821	

40	Cho thuê xe có động cơ	7710	
41	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730	
42	Cung ứng lao động tạm thời	7821	
43	Cung ứng nguồn nhân lực khác	7822	
44	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110	
45	Vệ sinh chung nhà cửa	8121	
46	Dịch vụ vệ sinh khác	8129	
47	Dịch vụ cảnh quan	8130	
48	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394	
49	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649	
50	Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác	4781	
51	Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4782	
52	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221	
53	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010	
54	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác	7020	
55	Hoạt động dịch vụ trung gian cho xây dựng chuyên dụng	4340	
56	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390	
57	Xây dựng công trình thủy	4291	
58	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	
59	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222	
60	Xây dựng công trình điện	4221	
61	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392	
62	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225	
63	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229	
64	Hoạt động công ty nắm giữ tài sản	6421	
65	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610	

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú
1	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210	
2	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao - Chi tiết: Sản xuất tà vẹt, cầu kiện bê tông (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải kim loại, xi măng)	2395	

	điện, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở). Sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở)		
3	Xây dựng công trình dân dụng khác - Chi tiết: Đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng khu dân cư, đô thị. Xây dựng công trình thủy lợi.	4290	
4	Sửa chữa thiết bị khác - Chi tiết: Sửa chữa xe máy, phương tiện, thiết bị giao thông vận tải (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	3319	
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị giao thông vận tải. Mua bán vật liệu xây dựng. Mua bán, cho thuê máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp, ngành giao thông vận tải.	4669	
6	Xây dựng công trình công ích - Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt thiết bị công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	4220	

3. Giao cho Người đại diện theo pháp luật của CT3 triển khai các công việc liên quan tới thủ tục đăng ký bổ sung và bỏ ngành, nghề kinh doanh với Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp được Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính hướng dẫn điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh đăng ký dựa trên hồ sơ đăng ký đã nộp thì Người đại diện theo pháp luật được chủ động sửa đổi ngành, nghề theo hướng dẫn đó và được cập nhật lại danh mục ngành nghề đăng ký kinh doanh trong Điều lệ Công ty theo nội dung đã hoàn thành đăng ký mà không phải xin lại ý kiến của Đại hội đồng cổ đông.

Kính đề nghị các quý cổ đông thảo luận và biểu quyết!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vương Tấn Hát



Số: 09/TTr-HĐQT-ĐH2026

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 6 năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**V/v: Bổ sung, sửa đổi Quy chế Quản trị nội bộ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3;
- Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3.

Để đảm bảo cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 (CT3) được thực hiện đúng quy định của pháp luật, phù hợp với các quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của CT3, Hội đồng quản trị đã rà soát, chỉnh sửa, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ của CT3 dựa trên quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của CT3 và quy định của pháp luật hiện hành.

Bản Dự thảo Quy chế Quản trị nội bộ bổ sung, sửa đổi được đính kèm Tờ trình này.

Kính đề nghị các quý cổ đông thảo luận và biểu quyết!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vương Tấn Hát





ĐẠI THẢO

Tp.HCM, ngày tháng 6 năm 2026

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Căn cứ Luật Chứng khoán số 24/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công trình 3.

Quy chế quản trị nội bộ Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế quản trị nội bộ quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Điều 2 Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần, ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.

Quyền và nghĩa vụ của Đại hội cổ đông thực hiện theo Điều 138 luật doanh nghiệp và Điều 16 Điều lệ công ty.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Điều lệ công ty.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày phát hành thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

4.1 Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, trường hợp cổ đông là người lao động làm việc trong công ty thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay cổ đông tại nơi làm việc, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ: được gửi qua các công ty chuyển phát nhanh hoặc được bỏ vào hòm thư).

4.2 Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc cuộc họp. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

- a. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm chuẩn bị nội dung, chương trình cho cuộc họp.
- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị, đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 6.1 Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện của tổ chức được ủy quyền dự họp.
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp
- 6.2 Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.
- 6.3 Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

7.1 Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông đến dự họp phải mang theo Giấy tờ được quy định tại thông báo mời họp để xác nhận tư cách Đại biểu. Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

7.2 Khi tiến hành đăng ký tham dự, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền có quyền biểu quyết (gọi tắt là Đại biểu) kiểm tra lại Phiếu biểu quyết trên đó ghi mã số đăng ký, Họ tên công đông hoặc họ tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của đại biểu đó. Trường hợp thất lạc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền phải báo Ban tổ chức Đại hội đề nghị cấp lại Phiếu biểu quyết mới.

7.3 Đại biểu đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký.

8. Điều kiện tiến hành

8.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (Năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.

8.2 Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết nêu trên (trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội) thì người triệu tập họp tuyên bố hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ 2 được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% (Ba mươi ba) tổng số cổ phiếu biểu quyết trở lên.

8.3 Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện để tiến hành quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ 3 phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ 3 được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

9. Hình thức thông qua nghị quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

9.1 Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó và các nội dung cần biểu quyết trong cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ vào đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

9.2 Đối với trường hợp đã nêu tại khoản 7.2 Điều này các đợt biểu quyết đã tiến hành biểu quyết trước khi Đại biểu đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

10. Cách thức bỏ phiếu

10.1 Đối với các nội dung cần thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: Tùy từng nội dung cần biểu quyết Cổ đông tiến hành biểu quyết bằng giơ tay hoặc bằng Phiếu biểu quyết. Đối với các nội dung cần biểu quyết bằng phiếu biểu quyết (được quy định cụ thể tại quy chế tổ chức Đại hội) cổ đông sẽ biểu quyết bằng cách tích vào các ô tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến đối với từng nội dung đã ghi trong phiếu biểu quyết sau đó bỏ vào hòm phiếu.

10.2 Cách thức bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

11. Cách thức kiểm phiếu

11.1 Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội cổ đông quyết định căn cứ vào đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

11.2 Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội Ban kiểm phiếu sẽ tập hợp và thông báo trước Đại hội tổng số phiếu đã tham gia biểu quyết trước khi tiến hành kiểm phiếu. Kết quả kiểm phiếu sẽ được trưởng ban kiểm phiếu ghi vào biên bản kiểm phiếu và được báo cáo trước đại hội: Tổng số phiếu tán thành, phiếu không tán thành, phiếu không có ý kiến hoặc không hợp lệ (nếu có) đối với từng nội dung biểu quyết.

11.3 Bầu thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát: Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi Ban kiểm phiếu tiến hành phát phiếu bầu cử và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu. Việc kiểm phiếu tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ trên cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

12. Điều kiện để nghị quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được thông qua

12.1 Các Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại;

- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - e. Tổ chức lại hay giải thể công ty.
- 12.2 Đối với việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: thực hiện theo khoản 10.2 và khoản 11.3 Điều này.
- 12.3 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 12.4 Trừ các trường hợp quy định tại các mục 12.1, mục 12.2, mục 12.3 khoản này Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- 12.5 Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ công ty.

13. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được trưởng ban kiểm phiếu công bố trước khi bế mạc Đại hội.

14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

14.1 Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 14.1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

14.2 Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.

15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

- 15.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- 15.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 15.3 Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
- 15.4 Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 15.5 Nghị quyết đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết.

16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố theo đúng quy định của pháp luật về công bố thông tin và công bố trên trang thông tin điện tử của

215
G T
PHÂN
XÂY
TRIN
HỒ

công ty trong thời gian hai mươi bốn giờ (24) giờ hoặc gửi cho các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Điều 5. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Các trường hợp xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Khoản 1 Điều 24 Điều lệ công ty.

2. Trình tự, thủ tục thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo Điều 24 Điều lệ công ty.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

1. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng các hình thức này (trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp với trực tuyến) Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành quy chế tổ chức hội nghị để thực hiện.

2. Quy chế thực hiện phải đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty. Quy chế phải quy định rõ các nội dung sau:

- a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- d) Điều kiện tiến hành;
- đ) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- e) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;
- g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;
- h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty trừ các quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và khoản 2 Điều 29 Điều lệ Công ty.

Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị :

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị công ty là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Mỗi cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 2 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Khoản 4 Điều 27 Điều lệ công ty.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

3.1 Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số cổ phiếu biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử một (01) ứng cử viên Hội đồng quản trị. Số lượng đề cử quy định cụ thể :

- a. Đối với việc bầu đủ số thành viên HĐQT quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 ứng viên.
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 ứng viên.
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 ứng viên.
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 ứng viên.
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 05 ứng viên.
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa 06 ứng viên.
- b. Đối với việc Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị số lượng ứng viên do cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền đề cử sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ trên số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu bổ sung.

20-C
DỰNG
H 3
CHỈ M

3.2 Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

3.3 Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử và ứng cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quy định tại mục a khoản 3.3 điều này hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng viên còn lại sẽ do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng tại Quy chế bầu cử và phải được Đại hội cổ đông thông qua trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo khoản 10.2 và khoản 11.3 Điều 4 của quy chế này.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

5.1 Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Điều lệ công ty.

5.2 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trong trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

5.3 Trừ trường hợp nêu tại khoản 5.2 điều này Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị;

7.1 Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.

7.2 Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

- 7.3 Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - Các thông tin khác (nếu có).

7.4 Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có)

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị.

- 8.1 Chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 8.2 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm
- 8.3 Trường hợp Chủ tịch và phó chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì chủ tịch HĐQT phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

- Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị :

1. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường;
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 01 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, hoặc thư điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị.

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không

đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

6. Cách thức biểu quyết

6.1 Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 8 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử

6.2 Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp

7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị

8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

10. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp:

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 9 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

11. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được công bố theo đúng quy định của Pháp luật về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 11. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Điều 12. Người phụ trách quản trị công ty :

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn:

a. Có đủ năng lực hành vi nhân sự, có đạo đức nghề nghiệp, trung thực nhiệt tình và có uy tín trong Công ty.

b. Có hiểu biết về pháp luật. Có năng lực về quản trị.

c. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

d. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi đa số thành viên Hội đồng quản trị ự họp biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Người phụ trách quản trị công ty mới thay thế.

4. Công ty phải thực hiện công bố về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty theo đúng các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

1. Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật và Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.
2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 41, Điều 44, và Điều 45 của Điều lệ công ty.

Điều 14. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát;

Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 (ba) thành viên. Nhiệm kỳ Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể bầu lại với số lượng nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (1) thành viên có chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp .

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát;

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điều 169 Luật doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát;
- a. Việc ứng cử, đề cử thành viên ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 3, khoản 7 Điều 8 Quy chế này.
 - b. Số lượng đề cử quy định cụ thể đối với việc bầu đủ số thành viên Ban kiểm soát được quy định tại khoản 1 Điều này:
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 ứng viên.
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 ứng viên.
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 60% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa 03 ứng viên.
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa 04 ứng viên.
 - c. Đối với việc Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát thì số lượng ứng viên do cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền đề cử bầu sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ trên số lượng thành viên Ban kiểm soát cần bầu bổ sung.
 - d. Thủ tục đề cử người vào Ban kiểm soát của cổ đông hoặc nhóm cổ đông được thực hiện theo quy định tại khoản 3.2 điều 8 Quy chế này.
 - d. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử và ứng cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quy định tại mục b khoản này hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng viên còn lại sẽ do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng tại Quy chế bầu cử và phải được Đại hội cổ đông thông qua trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo khoản 10.2 và khoản 11.3 Điều 4 của quy chế này.
5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;
- 5.1 Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- 5.2 Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;
- Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát phải được công bố theo đúng quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.
- a. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.
 - b. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
 - c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty.

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 15. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc;

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc được quy định tại khoản 4 Điều 37, Điều 44 và Điều 45 Điều lệ công ty.

Điều 16. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc.

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc;
 - 1.1 Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - 1.2 Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định sau:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

- b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
 - c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.
2. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc
- a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc.
 - b. Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc thực hiện theo quy định của luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định về công tác bổ nhiệm cán bộ của Công ty. Việc thuê Tổng giám đốc được thực hiện theo các quy định của pháp luật về lao động và các quy định về tuyển dụng của Công ty.
3. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc
- a. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết (trong trường hợp này không tính biểu quyết của thành viên HĐQT kiêm nhiệm Tổng giám đốc) dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc của Công ty sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty, hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.
 - b. Việc chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật về Lao động.
4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc
- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc phải được công bố theo đúng quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc.
- a. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và thực hiện theo quy chế trả lương, thưởng của Công ty.
 - b. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của Pháp luật, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm của công ty phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI- PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 17. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là mối quan hệ giữa quản trị doanh nghiệp và kiểm soát tính tuân thủ khi thực hiện.

2. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- a. Đối với các cuộc họp Hội đồng quản trị: Thông báo mời họp, các tài liệu đính kèm và các thông báo kết quả cuộc họp (Nghị quyết, quyết định của HĐQT) được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát một cách đồng thời và trong thời hạn quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 11 Điều 10 của quy chế này;
- b. Trong các cuộc họp của ban kiểm soát: Khi cần thiết Ban kiểm soát có quyền mời các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, và đại diện đơn vị kiểm toán độc lập tham dự họp để trả lời các vấn đề mà thành viên Ban kiểm soát quan tâm trong phạm vi trách nhiệm của mình;
- c. Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- d. Các cuộc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất của Ban kiểm soát (khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 điều 13 của Điều lệ công ty) Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- e. Tùy theo phạm vi và kết quả của cuộc kiểm tra Ban kiểm soát phải bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị trước khi gửi báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông công ty, trường hợp không thống nhất quan điểm thì Ban kiểm soát có quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập Đại hội Đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Mục e khoản 3 và mục b khoản 4 Điều 15 Điều lệ công ty;
- f. Đối với các kiến nghị Hội đồng quản trị liên quan tới các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty Ban kiểm soát phải gửi văn bản, các tài liệu liên quan tới Hội đồng quản trị ít nhất trước 10 ngày làm việc so với ngày dự kiến được phản hồi để Hội đồng quản trị có thời gian triệu tập họp theo quy định tại quy chế này;
- g. Các Báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát về Hoạt động của công ty phải được thông báo và tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình Đại hội đồng cổ đông Công ty.

- h. Các vấn đề khác cần tham khảo, lấy ý kiến giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được gửi và phản hồi trong thời hạn 07 ngày làm việc.

Điều 18. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. Mối quan hệ của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc là mối quan hệ giữa quản trị doanh nghiệp và điều hành công việc hàng ngày. Tổng giám đốc điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị và các thành viên HĐQT không can thiệp vào Hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày và công tác thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc trừ khi xét thấy cần thiết.

Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị không chịu trách nhiệm liên đới đối với các sai phạm, thất thoát phát sinh từ hoạt động điều hành hàng ngày của Tổng Giám đốc nếu Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết, chỉ đạo đúng thẩm quyền và không có văn bản chỉ đạo làm trái pháp luật.

2. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc:

- a. Tổng giám đốc điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được giao;
- b. Tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Chủ tịch HĐQT căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành công ty phụ trách mảng công việc có liên quan tham dự họp và đóng góp ý kiến. Thông báo mời họp, các tài liệu đính kèm và các thông báo kết quả cuộc họp (Nghị quyết, quyết định của HĐQT) được gửi đến các thành viên dự họp một cách đồng thời và trong thời hạn quy định tại khoản 3 và khoản 11 Điều 10 của quy chế này;
- c. Tại các cuộc họp định kỳ (cuộc họp giao ban tháng, quý, năm) hoặc đột xuất do Tổng giám đốc chủ trì, Căn cứ vào nội dung cuộc họp Tổng giám đốc quyết định mời chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc), và các thành viên HĐQT tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Biên bản cuộc họp phải gửi cho chủ tịch Hội đồng quản trị một bản để báo cáo trong vòng 24 tiếng sau kết thúc cuộc họp.
- d. Hội đồng quản trị khi cần thiết sẽ sử dụng nhân sự và trang thiết bị Công ty để phục vụ công tác của Hội đồng quản trị. Đối với công tác Đại hội đồng cổ đông Hội đồng quản trị thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp và sử dụng nguồn lực trước ít nhất 45 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông công ty.
- e. Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ (hàng quý, năm) cho Hội đồng quản trị và cho Đại hội cổ đông thường niên công ty hoặc khi được yêu cầu. Trong trường hợp cần thiết vì những mục đích có liên quan đến nhiệm vụ của mình thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi

điều kiện thuận lợi cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT được tiếp cận các thông tin, các báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

- f. Đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc sau khi nhận tờ trình của Tổng giám đốc hoặc một thời hạn thỏa thuận khác do hai bên cùng thảo thuận đối với các vấn đề cụ thể.
- g. Tổng giám đốc có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu có căn cứ rõ ràng cho thấy quyết định đó trái pháp luật. Trong khi chờ Hội đồng quản trị xem xét lại, Tổng Giám đốc vẫn phải chấp hành chỉ đạo trừ trường hợp việc thi hành trực tiếp dẫn đến cấu thành tội phạm hình sự.
- h. Trường hợp Tổng giám đốc phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị và người điều hành khác Tổng giám đốc phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị đồng thời yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- i. Tổng giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị khi thấy có sự kiện gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- j. Tổng giám đốc có thể xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình.

Điều 19. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Để thực hiện hoạt động giám sát Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc hoặc (và) các cán bộ quản lý khác cung cấp thông tin:
 - a. Khi cần tiếp cận cung cấp thông tin của công ty ban kiểm soát phải nêu rõ lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp thông tin và bảo mật tuyệt đối các thông tin và tài liệu thu thập được trong quá trình giám sát các hoạt động của Công ty. Việc tiết lộ các thông tin và tài liệu này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho Hội đồng quản trị trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
 - b. Các thông tin và tài liệu nêu trên bao gồm:
 - Thông báo mời họp và các tài liệu có liên quan (cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông công ty).
 - Biên bản, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông công ty.
 - Báo cáo của Ban Tổng giám đốc.
 - Các Báo cáo tài chính quý, năm.
 - Báo cáo hoạt động của hội đồng quản trị công ty.
 - Các tài liệu khác có liên quan.

- c. Đối với các thông tin, tài liệu về quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính của Công ty văn bản yêu cầu cung cấp thông tin phải được gửi đến Công ty trước ít nhất 48 giờ; Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
2. Trong các cuộc họp của ban kiểm soát : Khi cần thiết Ban kiểm soát có quyền mời Tổng giám đốc, và các cán bộ quản lý khác tham dự họp để trả lời các vấn đề mà thành viên Ban kiểm soát quan tâm trong phạm vi trách nhiệm của mình.
3. Các cuộc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản về những vấn đề được kiểm tra gửi đến Tổng giám đốc trong vòng bảy (07) ngày làm việc sau khi kết thúc cuộc kiểm tra. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Tùy theo phạm vi và kết quả của cuộc kiểm tra Ban kiểm soát phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo cho Hội đồng quản trị, trường hợp không thống nhất quan điểm thì Ban kiểm soát có quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị công ty.
4. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của Tổng giám đốc và người điều hành khác Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
5. Các vấn đề khác cần tham khảo, lấy ý kiến giữa Tổng giám đốc và Ban kiểm soát phải được gửi và phản hồi trong thời hạn 7 ngày làm việc.

Điều 20 . Đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;

1. Đánh giá hoạt động:

- a. Hàng năm căn cứ vào Chức năng, nhiệm vụ được phân công Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.
- b. Việc đánh giá các thành viên Ban Tổng giám đốc và các cán bộ điều hành khác do Tổng giám đốc thực hiện.
- c. Ban kiểm soát thực hiện đánh giá các thành viên trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của từng thành viên.

2. Khen thưởng:

- a. Hội đồng quản trị phối hợp cùng với Tổng giám đốc có trách nhiệm xây dựng quy chế khen thưởng đối với Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc. Việc khen thưởng thực hiện dựa trên kết quả đánh giá tại khoản 1 điều này và được chi từ quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành đã được Đại hội đồng cổ đông hàng năm thông qua.

- b. Công ty sẽ tiến hành khen thưởng định kỳ và đột xuất cho tập thể và cá nhân được đánh giá có thành tích trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Việc khen thưởng được quy định trong quy chế thi đua và khen thưởng của công ty và được chi từ quỹ khen thưởng của công ty.
3. Kỷ luật:
- a. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng và cẩn trọng sẽ chịu trách nhiệm cá nhân với những thiệt hại do mình gây ra.
- b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban tổng giám đốc có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định tại Điều lệ công ty và quy chế này.
- c. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc khi thực hiện nhiệm vụ có hành vi vi phạm Pháp luật, Điều lệ công ty và quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII. HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Quy chế quản trị nội bộ Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 bao gồm 7 Chương, hai mươi một (21) điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng công trình 3 nhất trí thông qua ngày tháng năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy chế.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

VƯƠNG TẤN HÁT

**PHỤ LỤC BỔ SUNG, SỬA ĐỔI
QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CỦA CT3**



Điều khoản	Nội dung tại Quy chế hiện hành	Nội dung tại dự thảo Quy chế sửa đổi	Lý do sửa đổi, bổ sung
Điểm b Khoản 5 Điều 4	<p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị, đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất <u>03 (ba) ngày làm việc</u> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị, đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất <u>07 (bảy) ngày làm việc</u> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	Sửa đổi cho thống nhất với Điều lệ
Điểm 6.3 Khoản 6 Điều 4	Không có	<p>Bổ sung Điểm 6.3 Khoản 6 Điều 4: 6.3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p>	Bổ sung theo Điều 17 Điều lệ Công ty



		c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.	
Điểm 12.1, 12.4 Khoản 12 Điều 4	12.1 Các Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của <u>tất cả cổ đông dự họp</u> tán thành: a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại; b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. 12.4 Trừ các trường hợp quy định tại các mục 12.1, mục 12.2, mục 12.3 khoản này Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của <u>tất cả cổ đông dự họp</u> tán thành.	12.1 Các Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của <u>tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp</u> tán thành: e. Loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại; f. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; g. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; h. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. 12.4 Trừ các trường hợp quy định tại các mục 12.1, mục 12.2, mục 12.3 khoản này Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của <u>tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp</u> tán thành.	Điều chỉnh cho thống nhất với Điều lệ Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.
	Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ	Điều 5. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	Sửa đổi cho thống nhất với Điều lệ

	<p>đồng khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ trường hợp biểu quyết về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p><u>a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;</u> <u>b. Định hướng phát triển công ty.</u> <u>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.</u> <u>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</u> <u>đ. Quyết định việc đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</u> <u>e. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</u> <u>f. Tổ chức lại, giải thể công ty.</u></p> <p>2. Trình tự, thủ tục <u>họp Đại hội đồng cổ đông</u> thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo Điều 24 Điều lệ công ty.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ trường hợp biểu quyết về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Định hướng phát triển công ty. b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại. c. Quyết định việc đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. d. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; e. Tổ chức lại, giải thể công ty.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo Điều 24 Điều lệ công ty.</p>	
<p>Khoản 1 Điều 5</p>	<p>Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ trường hợp biểu quyết về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p>	<p>Điều 5. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Các trường hợp xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Khoản 1 Điều 24 Điều lệ công ty.</p>	<p>Sửa đổi cho thống nhất với Điều lệ</p>

0042
CÔNG
CỔ PH
Ư VÀ X
NG TR
HỒ HỒ

	<p>a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty ;</p> <p>b. Định hướng phát triển công ty .</p> <p>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm , bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>đ. Quyết định việc đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p> <p>e. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>f. Tổ chức lại, giải thể công ty.</p>		
<p>Khoản 1 Điều 18</p>	<p>Điều 18. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc</p> <p>1. Mọi quan hệ của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc là mối quan hệ giữa quản trị doanh nghiệp và điều hành công việc hàng ngày. Tổng giám đốc điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị và các thành viên HĐQT không can thiệp vào Hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày và công tác thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc trừ khi xét thấy cần thiết.</p>	<p>Điều 18. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc</p> <p>1. Mọi quan hệ của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc là mối quan hệ giữa quản trị doanh nghiệp và điều hành công việc hàng ngày. Tổng giám đốc điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, <u>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</u>, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị và các thành viên HĐQT không can thiệp vào Hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày và công tác thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc trừ khi xét thấy cần thiết.</p> <p><u>Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị không chịu trách nhiệm liên đới đối với các sai phạm, thất thoát phát sinh từ hoạt động điều hành hàng ngày của Tổng Giám đốc nếu Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết, chỉ đạo</u></p>	<p>Sửa đổi cho thống nhất với Điều lệ</p>

		<u>đúng thẩm quyền và không có văn bản chỉ đạo làm trái pháp luật.</u>	
Điểm g Khoản 2 Điều 18	<u>g. Tổng giám đốc có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu có căn cứ rõ ràng cho thấy quyết định đó trái pháp luật. Trong khi chờ Hội đồng quản trị xem xét lại, Tổng Giám đốc vẫn phải chấp hành chỉ đạo trừ trường hợp việc thi hành trực tiếp dẫn đến cấu thành tội phạm hình sự.</u>	<u>g. Tổng giám đốc có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu có căn cứ rõ ràng cho thấy quyết định đó trái pháp luật. Trong khi chờ Hội đồng quản trị xem xét lại, Tổng Giám đốc vẫn phải chấp hành chỉ đạo trừ trường hợp việc thi hành trực tiếp dẫn đến cấu thành tội phạm hình sự.</u>	Sửa đổi cho thống nhất với Điều lệ





Số: 10/TTr-HĐQT-ĐH2026

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 06 năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**V/v: Bổ sung, sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3;
- Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3.

Để đảm bảo cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 (CT3) và Hội đồng quản trị Công ty được thực hiện đúng quy định của pháp luật, phù hợp với các quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của CT3, Hội đồng quản trị đã rà soát, chỉnh sửa, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị CT3 dựa trên quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của CT3 và quy định của pháp luật hiện hành.

Bản Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị CT3 bổ sung, sửa đổi được đính kèm Tờ trình này.

Kính đề nghị các quý cổ đông thảo luận và biểu quyết!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vương Tấn Hát



ĐU THẢO

TP.HCM, ngày ... tháng 6 năm 2026

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị (Điều 154 Luật DN, Khoản 1 và 2 Điều 28 DL cty)

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát, chỉ đạo quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

- e) Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- g) Đảm bảo cho các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và dễ hiểu liên quan đến các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;
- h) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- i) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn của họ;
- j) Phê duyệt ban hành các văn bản quy phạm nội bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- k) Thay mặt Hội đồng quản trị phân công nhiệm vụ, chỉ đạo, giám sát trực tiếp việc thực hiện công việc của Ban Tổng giám đốc và các Người quản lý khác trong Công ty;
- l) Thực hiện quyền giám sát thông qua hệ thống báo cáo. Chủ tịch Hội đồng quản trị không chịu trách nhiệm liên đới đối với các quyết định, hành vi vi phạm pháp luật của Tổng Giám đốc và Ban điều hành nếu đã thực hiện đúng quyền hạn giám sát và không có chỉ đạo trực tiếp bằng văn bản về hành vi sai phạm đó.
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Thành viên đó không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Thành viên đó có đơn xin từ chức và được chấp thuận;
- c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn đủ năng lực hành vi;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp :

Thành viên đó vắng mặt không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng và trong thời gian đó Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết chức vụ bị bỏ trống.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ công ty hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho công ty trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên hội đồng quản trị công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty. Phê duyệt điều chỉnh, thay đổi kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty trên cơ sở được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khi xét thấy sự điều chỉnh này là phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Quyết định giá mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm o và điểm r điều 16 Điều lệ công ty;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k) Phê chuẩn đề nghị của Tổng giám đốc về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với các chức danh do Tổng giám đốc quyết định và quản lý bao gồm: Trưởng phòng, Phó trưởng phòng; Giám đốc, Phó giám đốc chi nhánh/xí nghiệp và tương đương. Trong trường hợp đặc biệt hoặc cần thiết, Hội đồng quản trị được quyền yêu cầu Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức các chức danh cán bộ quản lý do Tổng giám đốc trực tiếp quản lý trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành.
 - l) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

- m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- o) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- s) Quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.
- t) Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
- u) Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
- v) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Trường hợp này người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 của Điều lệ công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành

viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 01 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều lệ công ty;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và phải được công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 03 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Mối quan hệ của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc là mối quan hệ giữa quản trị doanh nghiệp và điều hành công việc hàng ngày. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công trình 3 bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Vương Tấn Hát



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



Số: 11/TTr-BKS-ĐH2026

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3;
- Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3;
- Căn cứ tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3.

Để đảm bảo cho việc tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 (CT3) được thực hiện đúng quy định của pháp luật, phù hợp với các quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của CT3, Ban Kiểm soát đã xây Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát dựa trên quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của CT3 và quy định của pháp luật hiện hành.

Bản Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được đính kèm Tờ trình này.

Kính đề nghị các quý cổ đông thảo luận và biểu quyết!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

LÊ HÙNG CƯỜNG



DỰ THẢO

TP.HCM, ngày tháng 6 năm 2026

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày..... tháng năm 2026;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền đề cử số lượng ứng viên theo tỷ lệ sở hữu cổ phần được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về Quản trị công ty. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp,

Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát phải gửi dự thảo báo cáo, kết luận và kiến nghị cho Hội đồng quản trị để tham khảo ý kiến và thống nhất trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người

quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc. Việc yêu cầu cung cấp tài liệu hoặc tiếp cận địa điểm làm việc phải được lập thành văn bản nêu rõ mục đích, phạm vi và gửi Hội đồng quản trị xem xét, phối hợp chỉ đạo thực hiện. Hoạt động kiểm tra không được làm gián đoạn, ảnh hưởng đến điều hành kinh doanh và bí mật thương mại của Công ty.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên

bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền

lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 bao gồm 6 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm 2026

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**



CÔNG SỐ: 12/Tr-HĐQT-ĐH2026

TP Hồ Chí Minh, ngày tháng 6 năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và
bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát mới nhiệm kỳ 2023-2028**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng công trình 3;

Căn cứ Đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT của bà Hồ Thị Phương Nga;

Căn cứ Đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát của bà Phùng Thị Hoàng Yến và Đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên Ban Kiểm soát của ông Phạm Văn Đắc.

Căn cứ Đơn đề cử ứng viên tham gia thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của các cổ đông/nhóm cổ đông.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét các nội dung có liên quan đến việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028 như sau:

I. Miễn nhiệm và Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát:

Thành viên Ban Kiểm soát hiện tại gồm:

1. Ông Lê Hùng Cường: Trưởng ban
2. Ông Phạm Văn Đắc: Thành viên
3. Bà Phùng Thị Hoàng Yến: Thành viên

Do bà Phùng Thị Hoàng Yến và ông Phạm Văn Đắc đã có đơn xin từ nhiệm. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm 02 thành viên và bầu bổ sung 02 thành viên Ban kiểm soát cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028.

Danh sách ứng viên sẽ được cập nhật đến hết ngày 10/06/2026 theo Giấy đề cử/ứng cử từ cổ đông/ nhóm cổ đông đủ tỷ lệ đề cử/ứng cử theo quy định của điều lệ Công ty.



Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Việc miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát đối với bà Phùng Thị Hoàng Yến và thành viên Ban Kiểm soát với ông Phạm Văn Đắc.

- Thông qua số lượng bầu bổ sung 02 thành viên Ban kiểm soát cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028.

- Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028.

Theo thông báo về việc đề cử, ứng cử thành viên bầu bổ sung BKS nhiệm kỳ 2023-2028 đã được công bố trên trang điện tử của công ty. Công ty đã nhận được hồ sơ đề cử, ứng cử của các ứng viên tham gia bầu bổ sung vào vị trí thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 như sau:

1. Bà Hồ Thị Phương Nga.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

3.

Các thông tin liên quan đến các ứng viên thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng công trình 3 nhiệm kỳ 2023-2028 đã được Ban tổ chức đại hội gửi đến các quý vị cổ đông.

Kính đề nghị các quý vị cổ đông nghiên cứu, xem xét bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 theo đúng quy định tại Quy chế bầu cử đã được Đại hội thông qua.

II. Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị công ty hiện tại gồm:

1. Ông Vương Tấn Hát - Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Ông Nguyễn Quốc Cường – Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
3. Ông Trần Quốc Đoàn - Thành viên kiêm Tổng giám đốc
4. Ông Nguyễn Viết Thịnh - Thành viên
5. Bà Hồ Thị Phương Nga - Thành viên

Đến thời điểm hiện nay, bà Hồ Thị Phương Nga xin thôi không tham gia thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 và đã có đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028.

- Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua: Miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với bà Hồ Thị Phương Nga

Hội đồng quản trị thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung 01 thành viên để bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028. Danh sách ứng viên sẽ được cập nhật theo giấy đề cử/ ứng cử từ cổ đông/ nhóm cổ đông đủ tỷ lệ đề cử/ ứng cử theo quy định của điều lệ Công ty.

- Thông qua số lượng bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị cho thời

gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028.

- Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028.

Theo thông báo về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 đã được công bố trên trang điện tử của công ty. Công ty đã nhận được hồ sơ đề cử, ứng cử của các ứng viên tham gia bầu bổ sung vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 như sau:

1. Ông Võ Hữu Đức
2.

Các thông tin liên quan đến các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng công trình 3 nhiệm kỳ 2023-2028 đã được Ban tổ chức Đại hội gửi đến các quý vị cổ đông.

Kính đề nghị các quý vị cổ đông nghiên cứu, xem xét bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 theo đúng quy định tại Quy chế bầu cử đã được Đại hội thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vương Tấn Hát





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



Số: **BB-ĐHĐCĐTN 2026**

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 6 năm 2026

**BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

**A. TÊN DOANH NGHIỆP, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, THÀNH PHẦN THAM DỰ
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3

Mã số doanh nghiệp: 0300421520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM (nay là Sở Tài chính TP.HCM) cấp lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 10/10/2025.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 136/1 Trần Phú, Phường Chợ Quán, Tp Hồ Chí Minh.

2. Thời gian tổ chức: Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty được khai mạc lúc ... ngày

3. Địa điểm tổ chức: Phòng Hội trường tại trụ sở Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3.

4. Thành phần tham dự và tính hợp lệ của Đại hội:

a. Thành phần tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 có mặt bao gồm: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, các ứng cử viên tham gia ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát và các cổ đông của Công ty.

b. Kiểm tra tư cách cổ đông và điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

Ông/Bà thay mặt Ban tổ chức Đại hội báo cáo kết quả xác nhận tư cách cổ đông tham dự đại hội:

- Tổng số Cổ đông của CT3 là ... **cổ đông**, tương đương với tổng số cổ phần sở hữu là **8.799.756 cổ phần** có quyền biểu quyết, sau khi đã trừ đi số cổ phiếu quỹ là ... **cổ phần**.

- Tính đến 9h00 ngày

+ Số lượng đại biểu tham dự là: ...

+ Số lượng đại biểu ủy quyền là:

Đại diện cho ... phiếu biểu quyết, chiếm ... % tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty đủ điều kiện tiến hành.

B. CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG ĐẠI HỘI

I. CHƯƠNG TRÌNH HỌP

1. Khai mạc cuộc họp:

Ông đại diện Ban tổ chức đại hội khai mạc cuộc họp.

1.1. Thông qua Chương trình đại hội, Quy chế tổ chức đại hội, Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và thành viên Ban Kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2023-2028:

- Xin ý kiến Đại hội biểu quyết thông qua Chương trình đại hội (chi tiết theo tài liệu đính kèm).

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không có ý kiến: CP, chiếm tỉ lệ %

- Xin ý kiến Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức đại hội (chi tiết theo tài liệu đính kèm).

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không có ý kiến: CP, chiếm tỉ lệ %

- Xin ý kiến Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế Đề cử, ứng cử, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 nhiệm kỳ 2023-2028 (chi tiết theo tài liệu đính kèm).

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không có ý kiến: CP, chiếm tỉ lệ %

1.2. Thông qua Chủ tọa, thư ký cuộc họp và Ban kiểm phiếu:

- Chủ tọa cuộc họp: Ông Vương Tấn Hát - Chủ tịch HĐQT công ty (theo quy định tại Điều lệ công ty).

- Xin ý kiến đại hội biểu quyết thông qua Thư ký đại hội; Ban kiểm phiếu và Ban bầu cử thành viên HĐQT và thành viên BKS:

- Thư ký: -

- Ban kiểm phiếu (3 thành viên):

Ông/Bà : - : Trưởng Ban
Ông/Bà : - : Thành viên
Ông/Bà : - : Thành viên

- Ban bầu cử (3 thành viên):

Ông/Bà : - : Trưởng Ban
Ông/Bà : - : Thành viên

Ông/Bà :

: Thành viên

Kết quả biểu quyết: Tất cả 100% các cổ đông dự họp nhất trí thông qua.

II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI:

1. Chủ tọa điều hành cuộc họp các nội dung:

- Tổng Giám đốc trình bày Báo cáo của Ban điều hành về Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025.
- Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2025 và định hướng hoạt động 2026.
- Ông Lê Hùng Cường thay mặt BKS trình bày Báo cáo của BKS về hoạt động năm 2025 và định hướng hoạt động 2026.

- Chủ tọa đọc các Tờ trình Đại hội:

- + Tờ trình số 01/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025. Đính kèm:

Phụ lục 1: Tóm tắt BCTC Riêng 2025 kiểm toán

Phụ lục 2: Tóm tắt BCTC Hợp nhất 2025 kiểm toán.

- + Tờ trình số 02/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Kế hoạch kinh doanh - tài chính năm 2026.

- + Tờ trình số 03/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2026.

- + Tờ trình số 04/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Phương án phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2025 và kế hoạch năm 2026.

- + Tờ trình số 05/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Thù lao HĐQT và BKS thực hiện năm 2025 và kế hoạch năm 2026.

- + Tờ trình số 06/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Thông qua phương án sơ bộ phát hành cổ phiếu riêng lẻ hoán đổi nợ và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định.

- + Tờ trình số 07/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Đính kèm:

Phụ lục bổ sung, sửa đổi Điều lệ

Dự thảo Điều lệ sau khi bổ sung, sửa đổi.

- + Tờ trình số 08/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Bổ sung và bỏ một số ngành, nghề kinh doanh của Công ty.

- + Tờ trình số 09/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Bổ sung, sửa đổi Quy chế Quản trị nội bộ của Công ty. Đính kèm:

Phụ lục bổ sung, sửa đổi Quy chế Quản trị nội bộ

Dự thảo Quy chế Quản trị nội bộ sau khi bổ sung, sửa đổi.

- + Tờ trình số 10/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty. Đính kèm:

Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.



+ Tờ trình số 11/TTr-BKS-ĐH2026, V/v Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
Đính kèm:

Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

+ Tờ trình số 12/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS và bầu thành viên HĐQT, BKS mới nhiệm kỳ 2023-2028. Đính kèm:

Đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT của Bà Hồ Thị Phương Nga.

Đơn xin từ nhiệm thành viên BKS của Ông Phạm Văn Đắc.

Đơn xin từ nhiệm thành viên BKS của Bà Phùng Thị Hoàng Yến.

Đơn đề cử của Nhóm cổ đông về 01 ứng viên tham gia HĐQT - Ông Võ Hữu Đức, 02 ứng viên tham gia BKS, bao gồm Bà Hồ Thị Phương Nga và Bà Nguyễn Thị Thanh Bình, kèm Bảng cung cấp thông tin của từng ứng viên.

C. THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT:

Đại hội đã thảo luận các vấn đề vừa trình bày:

Một số ý kiến thảo luận:

.....

Ý kiến của chủ tọa:

.....

Sau khi thảo luận và biểu quyết tại đại hội, Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả biểu quyết như sau:

Tại thời điểm biểu quyết các nội dung trình Đại hội, tổng số cổ đông dự họp là ... cổ đông, đại diện cho ... phiếu biểu quyết, chiếm ...% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

I. Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Các chỉ tiêu chính:

- Tổng giá trị sản lượng thực hiện:	tỷ đồng.
- Tổng doanh thu:	tỷ đồng.
- Tổng chi phí :	tỷ đồng.
- Thuế TN doanh nghiệp:	tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế:	tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân:	đồng/người/tháng.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không có ý kiến: CP, chiếm tỉ lệ %

II. Thông qua Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2025 và định hướng hoạt động 2026

Nội dung chi tiết như trong Báo cáo số ... ngày ...

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không có ý kiến: CP, chiếm tỉ lệ %

III. Thông qua Báo cáo của BKS về hoạt động năm 2025 và định hướng hoạt động 2026

Nội dung chi tiết như trong Báo cáo số ... ngày

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không có ý kiến: CP, chiếm tỉ lệ %

IV. Thông qua Tờ trình số 01/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025

Nội dung chi tiết như trong Tờ trình số 01/TTr-HĐQT ngày

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không có ý kiến: CP, chiếm tỉ lệ %

V. Thông qua Tờ trình số 02/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Kế hoạch kinh doanh - tài chính năm 2026

Nội dung chi tiết như trong Tờ trình số 02/TTr-HĐQT ngày

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không có ý kiến: CP, chiếm tỉ lệ %

VI. Thông qua Tờ trình số 03/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2026

Nội dung chi tiết như trong Tờ trình số 03/TTr-HĐQT ngày

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %

27
IG T
PH
À X
à TR
Ồ H

- Số phiếu không hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không có ý kiến: CP, chiếm tỉ lệ %

VII. Thông qua Tờ trình số 04/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Phương án phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2025 và kế hoạch năm 2026

Nội dung chi tiết như trong Tờ trình số 04/TTr-HĐQT ngày

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không có ý kiến: CP, chiếm tỉ lệ %

VIII. Thông qua Tờ trình số 05/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Thù lao HĐQT và BKS thực hiện năm 2025 và kế hoạch năm 2026

Nội dung chi tiết như trong Tờ trình số 05/TTr-HĐQT ngày

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không có ý kiến: CP, chiếm tỉ lệ %

IX. Thông qua Tờ trình số 06/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Thông qua phương án sơ bộ phát hành cổ phiếu riêng lẻ hoán đổi nợ và uỷ quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định

Nội dung chi tiết như trong Tờ trình số 06/TTr-HĐQT ngày

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không có ý kiến: CP, chiếm tỉ lệ %

X. Thông qua Tờ trình số 07/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

Nội dung chi tiết như trong Tờ trình số 07/TTr-HĐQT ngày

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không có ý kiến: CP, chiếm tỉ lệ %

XI. Thông qua Tờ trình số 08/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Bổ sung và bỏ một số ngành, nghề kinh doanh của Công ty

Nội dung chi tiết như trong Tờ trình số 08/TTr-HĐQT ngày

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không có ý kiến: CP, chiếm tỉ lệ %

XII. Thông qua Tờ trình số 09/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Bổ sung, sửa đổi Quy chế Quản trị nội bộ của Công ty

Nội dung chi tiết như trong Tờ trình số 09/TTr-HĐQT ngày

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không có ý kiến: CP, chiếm tỉ lệ %

XIII. Thông qua Tờ trình số 10/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty

Nội dung chi tiết như trong Tờ trình số 10/TTr-HĐQT ngày

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không có ý kiến: CP, chiếm tỉ lệ %

XIV. Thông qua Tờ trình số 11/TTr-BKS-ĐH2026, V/v Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Nội dung chi tiết như trong Tờ trình số 11/TTr-HĐQT ngày

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không có ý kiến: CP, chiếm tỉ lệ %

XV. Thông qua Tờ trình số 12/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS và bầu thành viên HĐQT, BKS mới nhiệm kỳ 2023-2028

Nội dung chi tiết như trong Tờ trình số 12/TTr-HĐQT ngày

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %

520-
Y
N
Y DUN
NH 3
i CHI

- Số phiếu không hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không có ý kiến: CP, chiếm tỉ lệ %

D. BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2023-2028:

I. Chủ tọa cuộc họp trình bày Tờ trình số 12/TTr-HĐQT-ĐH2026 về việc bầu bổ sung thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028:

Công bố danh sách ứng viên được ứng cử, đề cử để bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028.

1. Danh sách ứng viên bầu thành viên HĐQT:

- Ông:
- Ông:

2. Danh sách ứng viên bầu thành viên BKS:

- Ông:
- Bà:

II. Ban bầu cử tiến hành các thủ tục bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2023-2028 và thông qua kết quả kiểm phiếu như sau:

1. Kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Họ và Tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ so với tổng số cổ phần tham dự đại hội
1 %

2. Kết quả bầu thành viên Ban kiểm soát:

STT	Họ và Tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ so với tổng số cổ phần tham dự đại hội
1 %
2 %

Thư ký Hội nghị đọc Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. Chủ tọa xin ý kiến biểu quyết của các cổ đông.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3 được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua như sau:

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không hợp lệ: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %
- Số phiếu không tán thành: CP, chiếm tỉ lệ %

- Số phiếu không có ý kiến: CP, chiếm tỉ lệ %

Chủ tọa phát biểu bế mạc đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 kết thúc lúc giờ phút cùng ngày./.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

.....

Vương Tấn Hát





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



**CÔNG TY
SỐ: PHÂN/NQ-ĐHĐCĐTN 2026**

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 6 năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 sốngày 26/6/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 (“Đại hội” hoặc “ĐHĐCĐ”) của Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 đã thảo luận, biểu quyết thông qua và đi đến quyết nghị sau:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt ...% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 2. Thông qua Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2025 và định hướng hoạt động 2026.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt ...% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 3. Thông qua Báo cáo của BKS về hoạt động năm 2025 và định hướng hoạt động 2026.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt ...% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 4. Thông qua Tờ trình số 01/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt ...% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 5. Thông qua Tờ trình số 02/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Kế hoạch kinh doanh - tài chính năm 2026.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt ...% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 6. Thông qua Tờ trình số 03/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2026.



Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt ...% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 7. Thông qua Tờ trình số 04/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Phương án phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2025 và kế hoạch năm 2026.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt ...% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 8. Thông qua Tờ trình số 05/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Thù lao HĐQT và BKS thực hiện năm 2025 và kế hoạch năm 2026.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt ...% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 9. Thông qua Tờ trình số 06/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Thông qua phương án sơ bộ phát hành cổ phiếu riêng lẻ hoán đổi nợ và uỷ quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt ...% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 10. Thông qua Tờ trình số 07/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt ...% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 11. Thông qua Tờ trình số 08/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Bổ sung và bỏ một số ngành, nghề kinh doanh của Công ty.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt ...% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 12. Thông qua Tờ trình số 09/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Bổ sung, sửa đổi Quy chế Quản trị nội bộ của Công ty.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt ...% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 13. Thông qua Tờ trình số 10/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt ...% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 14. Thông qua Tờ trình số 11/TTr-BKS-ĐH2026, V/v Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt ...% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 15. Thông qua Tờ trình số 12/TTr-HĐQT-ĐH2026, V/v miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS và bầu thành viên HĐQT, BKS mới nhiệm kỳ 2023-2028

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt ...% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết.

Điều 16. Thông qua kết quả trúng cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, quy chế bầu cử, Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ tổ chức hoạt động của CT3

1. Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:
 - Ông/Bà:, đã trúng cử thành viên Hội đồng quản trị của CT3 với số phiếu bầu tán thành là ... phiếu, đạt tỷ lệ ...%.
2. Bổ sung thành viên Ban kiểm soát:
 - Ông/Bà:, đã trúng cử thành viên Ban kiểm soát của CT3 với số phiếu bầu tán thành là ... phiếu, đạt tỷ lệ ...%.
 - Ông/Bà:, đã trúng cử thành viên Ban kiểm soát của CT3 với số phiếu bầu tán thành là ... phiếu, đạt tỷ lệ ...%.

Điều 17. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và toàn thể cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3./.



**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Vương Tấn Hát